

Số: /TB-SKHĐT

Ninh Thuận, ngày tháng 3 năm 2023

## **THÔNG BÁO**

### **Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022**

**Đơn vị được thông báo: Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư  
Sở Kế hoạch và Đầu tư  
Mã chương: 413**

*Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;*

*Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 24/3/2023 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư;*

*Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư như sau:*

#### **I. Phần số liệu:**

##### **1. Số liệu quyết toán:**

a) Quyết toán thu phí, lệ phí:

- Tổng số thu trong năm: 114.180.000 đồng.
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 46.400.000 đồng.
- Số chuyển trả Cục hỗ trợ doanh nghiệp: 47.446.000 đồng.

Số phí được để lại: 20.334.000 đồng

*(Số liệu chi tiết theo mẫu biểu 2a đính kèm)*

b) Quyết toán kinh phí ngân sách:

- Số kinh phí năm trước chuyển sang: 766.109.820 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 6.677.431.961 đồng.

Trong đó:

- + Dự toán giao đầu năm: 6.403.800.000 đồng.
- + Dự toán giao bổ sung trong năm: 273.631.961 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 6.763.310.388 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 6.763.310.388 đồng.

- Kinh phí giảm trong năm: 311.482.552 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 368.748.841 đồng (Dự toán còn dư ở Kho bạc).
- c) Kinh phí nguồn phí được để lại năm 2022
  - Số kinh phí năm trước chuyển sang: 10.030.741 đồng.
  - Tổng số thu trong năm: 20.334.000 đồng.
  - Kinh phí thực nhận trong năm: 30.364.741 đồng.
  - Kinh phí quyết toán: 19.253.300 đồng.
  - Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 11.111.441 đồng.
- d) Kinh phí nguồn Đảng phí được để lại năm 2022
  - Số kinh phí năm trước chuyển sang: 6.609.532 đồng.
  - Tổng số thu trong năm: 27.663.071 đồng.
  - Kinh phí thực nhận trong năm: 34.272.603 đồng.
  - Kinh phí quyết toán: 28.039.200 đồng.
  - Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 6.233.403 đồng (Tồn quỹ tiền mặt).

*(Số liệu chi tiết theo mẫu biểu 2c đính kèm).*

**2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:** Không có.

### **3. Thuyết minh số liệu quyết toán:**

- Kinh phí chuyển sang năm sau là 368.748.841 đồng, Trong đó nguồn tự chủ là 108.979.591 đồng; nguồn cải cách tiền lương là 213.229.548 đồng; nguồn kinh phí chương trình MTQG Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình là 44.134.376 đồng và CT MTQG 0521 Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 2.405.326 đồng.

- Kinh phí hủy dự toán: 311.482.552 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí mua sắm tài sản, máy móc thiết bị tiết kiệm: 2.107.200 đồng.

+ Kinh phí thẩm định hồ sơ mời thầu LNG do kéo dài thời gian thực hiện: 309.375.352 đồng.

**III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng.

- Trích lập các Quỹ: 0 đồng.

*(Số liệu chi tiết theo mẫu biểu 2b đính kèm).*

### **IV. Nhận xét và kiến nghị:**

#### **1. Nhận xét:**

- Đơn vị triển khai thực hiện chi theo dự toán được giao, chấp hành chế độ, định tiêu chuẩn nhà nước, tuân thủ đúng quy chế chi tiêu nội bộ.

- Chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp lý. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được mở cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Công tác lập BCTC năm 2022 tuân thủ quy định.

**2. Kiến nghị:** Không./.

*Nơi nhận:*

- Sở Tài chính;

- Lưu: VT, ĐTGS, KT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Kim Hoàng**